TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 283/2024/DS-PT
Ngày: 26 - 06 – 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Chiến

Các Thẩm phán: Ông Hà Chí Quốc;

Bà Dương Thúy Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2024/TLPT-DS, ngày 29 tháng 05 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST, ngày 23-04-2024 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2024/QĐXX-PT, ngày 06 tháng 06 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Anh Nguyễn Minh G, sinh năm 1982; trú tại địa chỉ: Khu phố H, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (theo hợp đồng ủy quyền ngày 16-01-2024), có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1958. Cùng trú tại địa chỉ: Khu phố H, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông N, *bà* N1: Chị Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1987; trú tại địa chỉ: Khu phố H, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (theo hợp đồng ủy quyền ngày 02-02-2024), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Chị Nguyễn Thị Thanh N2, sinh năm 1983; trú tại địa chỉ: Khu phố H, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng mặt.

+ Anh Bùi Duy N3, sinh năm 1986; trú tại địa chỉ: Khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Nghĩa l bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn T là anh Nguyễn Minh G trình bày:

Vào tháng 8-2023, do ông N và bà N1 có nhu cầu vay tiền đáo hạn Ngân hàng N4 – Chi nhánh thị xã T, tỉnh Tây Ninh nên anh Bùi Duy N3 là cán bộ tín dụng của ngân hàng có giới thiệu ông N, bà N1 vay tiền của ông T. Ông T đồng ý cho ông N, bà N1 vay số tiền 4.500.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn vay chỉ vài ngày nên lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, khi nào ông N, bà N1 vay được tiền ngân hàng sẽ trả cả tiền nợ gốc và tiền lãi cho ông T. Do số tiền lớn và ông N, bà N1 đã lớn tuổi nên ông T chuyển khoản một lần toàn bộ số tiền cho vay vào tài khoản của chị Nguyễn Thị Thanh N2 - là con ruột của ông N, bà N1. Sau khi nhận được tiền, chị N2 sẽ giao lại tiền cho ông N, bà N1. Ngày 21-8-2023, ông T đã chuyển vào tài khoản của chị N2 4.500.000.000 đồng, chị N2 cũng đã giao toàn bộ số tiền này cho ông N, bà N1 trả nợ cho ngân hàng xong. Nhưng sau khi ông N, bà N1 trả nợ cho ngân hàng lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra thì không vay tiền lại để trả cho ông T. Ông T đã nhiều lần yêu cầu ông N, bà N1 trả nợ nhưng ông bà cứ hẹn đến nay vẫn không trả. Từ khi vay đến nay ông N, bà N1 không trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho ông T.

Nay ông T yêu cầu ông N, bà N1 trả số tiền nợ gốc là 4.500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 21-8-2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Nghĩa l chị Nguyễn Thị Thanh M trình bày:

Chị M là con ruột của ông N, bà N1. Chị thừa nhận cha, mẹ chị có nhận qua tài khoản của chị Nguyễn Thị Thanh N2 số tiền 4.500.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Nhưng ông N, bà N1 hỏi vay tiền của anh N3 là cán bộ tín dụng của Ngân hàng N4 – Chi nhánh thị xã T, tỉnh Tây Ninh, cha mẹ chị không biết ông T là

ai. Cha, mẹ chị đã nhiều lần vay tiền của anh N3 để đáo hạn ngân hàng, từ trước đến nay cha mẹ chị chỉ thỏa thuận với anh N3, không biết ai khác. Sau khi hỏi vay tiền anh N3 thì có người chuyển khoản vào tài khoản của chị N2 và chị N2 chuyển khoản vào tài khoản của ông N để trả cho ngân hàng. Khi vay có thỏa thuận lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, đến khi nào cha, mẹ chị vay lại được thì trả tiền nợ gốc và tiền lãi. Nhưng sau khi trả nợ cho ngân hàng thì ngân hàng không cho cha, mẹ chị vay lại nên không có tiền trả tiền nợ gốc và tiền lãi.

Nay cha mẹ chị chỉ đồng ý trả cho anh N3 số tiền 4.500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 21-8-2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Cha, mẹ chị không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông T vì không biết ông T là ai.

Do cha, mẹ chị đã ngoài 60 tuổi nên xin được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh N2 trình bày:

Chị là con ruột của ông N, bà N1. Do ông N, bà N1 đến hạn đáo hạn Ngân hàng N4 chi nhánh thị xã T. Ông N, bà N1 có nói là anh N3 cán bộ ngân hàng yêu cầu gia đình phải cung cấp số tài khoản của ngân hàng N4 để anh N3 hướng dẫn làm thủ tục đáo hạn nên chị cung cấp số tài khoản của chị cho anh N3. Vào ngày 21-8-2023, chị có nhận số tiền 4.500.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của chị. Sau khi nhận được tiền thì chị làm theo hướng dẫn của anh N3 là chuyển toàn bộ số tiền này vào tài khoản của ông N để ông N trả nợ cho ngân hàng. Trước đây ông N, bà N1 cũng nhiều lần làm thủ tục đáo hạn ngân hàng như vậy. Nay chị N2 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Duy N3 trình bày:

Anh là cán bộ tín dụng của Ngân hàng N4 – Chi nhánh thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Ông N, bà Nghĩa l khách vay tiền của Ngân hàng. Vào tháng 8-2023, Hợp đồng tín dụng của ông N và bà N1 đến hạn thanh toán, ông N, bà N1 có nhờ anh giới thiệu chỗ vay tiền để trả nợ cho Ngân hàng nên anh giới thiệu cho ông N, bà N1 vay của ông T số tiền 4.500.000.000 đồng, nhưng việc hai bên thỏa thuận vay cụ thể như thế nào thì anh không rõ. Hiện ông N, bà N1 đã trả hết nợ cho Ngân hàng nhưng không vay lại.

Nay anh N3 không yêu cầu ông N, bà N1 trả cho anh khoản tiền nào cả vì anh không cho ông N, bà N1 vay tiền, anh chỉ giới thiệu ông N, bà N1 vay tiền của ông T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST, ngày 23-04-2024 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị N1. Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị N1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T số tiền nợ gốc và lãi là 5.105.000.000 (Năm tỷ một trăm lẻ năm triệu) đồng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06/05/2024 ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị N1 làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cung cấp bổ sung cho Tòa án sổ phụ tại Ngân hàng N4 - Chi nhánh thị xã T tên là Nguyễn Thị Thanh N2, 01 ảnh chụp màn hình tin nhắn và 01 USB chứa đoạn ghi âm.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Nguyễn Minh G không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị N1, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa Phúc thẩm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm thẩm chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị N1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị N1 kháng cáo trong hạn luật định, nên vụ án được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị N1 có nhu cầu vay tiền đáo hạn Ngân hàng nên anh Bùi Duy N3 là cán bộ tín dụng của ngân hàng có giới thiệu ông N, bà N1 vay tiền của ông Lê Văn T số tiền 4.500.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, khi nào ông N, bà N1 vay được tiền ngân hàng sẽ trả cả tiền nợ gốc và tiền lãi cho ông T. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay, bị đơn vẫn chưa trả tiền nợ gốc và tiền lãi.

Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị N1 thừa nhận là có vay số tiền trên để đáo hạn ngân hàng, nhưng cho rằng vay tiền của anh Bùi Duy N3 chứ không vay tiền của ông T.

[3] Xét thấy, ông N, bà N1 cho rằng vay tiền của anh Bùi Duy N3, không biết ông T là ai và không vay tiền của ông T. Nhưng anh N3 xác định không cho ông N, bà N1 vay tiền mà giới thiệu ông N, bà N1 vay tiền của ông T và ông T đã cung cấp chứng cứ chứng từ giao dịch ngày 21-8-2023 ông T đã chuyển vào tài khoản của chị Nguyễn Thị Thanh N2 số tiền 4.500.000.000 đồng, chị N2 đã chuyển toàn bộ số tiền trên cho ông N, bà N1 trả nợ ngân hàng. Hiện ông N, bà N1 đã trả hết nợ cho Ngân hàng nhưng không vay lại tiền để trả cho ông T. Do đó, có căn cứ xác định ông N, bà N1 đã vay tiền của ông T và đến nay chưa trả tiền vốn gốc và tiền lãi nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông N, bà N1 phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi cho ông T là có căn cứ.

[4] Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị N1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông N, bà Nghĩa là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị N1;

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 06/2024/DS-ST ngày 23 tháng 04 năm 2024, của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26, điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị N1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị N1 trả cho ông Lê Văn T số tiền nợ gốc và lãi là 5.105.000.000 (Năm tỷ một trăm lẻ năm triệu) đồng.

Kể từ ngày 24-4-2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn T 56.480.000 (Năm mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015238 ngày 22-01-2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị N1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị N1 được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND TX. Trảng Bàng;
- CCTHADS TX. Trảng Bàng ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Hữu Chiến